

Số: 27 /2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 28 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển
đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển
trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Thực hiện Công văn số 146/HĐND-TT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 93/TTr-STC ngày 27 tháng 4 năm 2016 và Tờ trình số 140/TTr-STC ngày 29 tháng 6 năm 2016; Báo cáo thẩm định số 126/BC-STP ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2016, như sau:

1. Mức thu cụ thể từng nhóm:

a) Nhóm 1: Mức giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu là 3.000.000 đồng/ha/năm;

b) Nhóm 2: Mức giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện là 4.000.000 đồng/ha/năm;

c) Nhóm 3: Mức giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển là 5.000.000 đồng/ha/năm;

d) Nhóm 4: Mức giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác); vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; vùng phục vụ thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ là 6.000.000 đồng/ha/năm;

đ) Nhóm 5: Mức giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét là 7.500.000 đồng/ha/năm (khi Nhà nước điều chỉnh khung giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển thì đơn giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển hoạt động đổ thải bùn nạo vét cũng được điều chỉnh và được xác định ở mức cao nhất trong các khung giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển khi điều chỉnh);

e) Nhóm 6: Mức giá tính thu tiền sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động sử dụng khu vực biển khác là 3.000.000 đồng/ha/năm.

2. Phương thức thu, xác định số tiền sử dụng và chế độ quản lý, sử dụng tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 của Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển.

3. Đối với những hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển chưa có quy định mức thu cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc trong trường hợp cần thiết thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan để tổ chức xác định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với dự án thuộc thẩm quyền giao của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tài chính triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ TP);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Ủy viên UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo, Đài, Công TTĐT, TTCB-TH;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (Đ07.03), NN-NĐ, TH, NC;
- Lưu: VT, Ktr57/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi